TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, TP.HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cao Đặng Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lẫy

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1066/2020/ QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, nơi cư trú: Số 84 ngõ 132 đường A, tổ DD 3, phườngDD, quận N, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19/3/568 đường T, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở và làm việc tại: Đại đội xe T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các bản bản khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đoàn Văn T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 12/4/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà của vợ chồng mua theo diện tiêu chuẩn gia đình quân đội tại số 19/3/568 đường Trần Nhân Tông, phường Nam Sơn, quận K, thành phố Hải Phòng thuộc khu gia đình phòng kỹ thuật Sư đoàn 363,

quân chủng Phòng không không quân. Đến tháng 4/2016, vợ chồng chuyển về chung sống tại nhà riêng của chị T, tại số 84 ngõ 132 đường A, tổ Đ 3, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, do bố mẹ chị T cho riêng chị T trước khi kết hôn với anh T. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm làm ăn, sinh sống. Mặt khác, anh T thường xuyên đánh đề, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô sát, đánh cãi nhau. Vợ chồng đã được hai bên gia đình, bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vẫn xảy ra. Do anh T đánh đập chị T nhiều lần, chị T đã báo cáo đơn vị anh T để có giải pháp giải quyết. Đơn vị anh T đã điều chuyển anh T từ Đại đội C về Tiểu đoàn K công tác. Từ tháng 9/2019 đến nay anh chị sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Đoàn Nguyễn Minh C, sinh ngày 24/11/2013 và cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay cháu Thái đang bị chậm phát triển thể chất và trí tuệ. Từ khi anh T và chị T sống ly thân, chị T vẫn nuôi cả 02 con chu đáo, có sự giúp đỡ của gia đình bố mẹ chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 02 con chung. Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi tháng 3.600.000 đồng, mỗi con là 1.800.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng.

Bị đơn anh Đoàn Văn T trình bày: Chị T cũng đã nhiều lần xúc phạm danh dự của anh T. Anh T đôi lúc có nóng nảy có tát vợ nhưng vẫn yêu vợ, thương con và trách nhiệm với gia đình. Nay chị T xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn anh T nhận nuôi 01 con chung là Đoàn Minh T hoặc con Đoàn Nguyễn Minh C. Trường hợp Tòa án giao cả 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với chị T mỗi tháng 3.600.000 đồng.

Theo tài liệu xác minh có trong hồ sơ thể hiện quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016, do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Do mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Anh T, chị T có 02 con chung là Đoàn Nguyễn Minh C, sinh ngày 24/11/2013 và cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 02/10/2015. Hiện nay cháu Thái đang bị chậm phát triển thể chất và trí tuệ. Từ khi anh T và chị T sống ly thân, chị T vẫn nuôi cả 02 con chu đáo, có sự giúp đỡ của gia đình bố mẹ chị T. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được nuôi 02 con chung.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Văn T và chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao con Đoàn Minh T cho chị T nuôi dưỡng, giao con Đoàn Nguyễn Minh C cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do mỗi người nuôi một con nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chấp nhận việc rút yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh Đoàn Văn T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19/3/568 Đường T, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi ở và làm việc tại: Đại đội xe T. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không đoàn tụ và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện:

[3] Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn T kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng ngày 12/4/2013, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát cãi nhau. Vợ, chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng quan hệ vợ chồng không được hòa thuận mà mâu thuẫn vẫn xảy ra. Do mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 9/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T đã nhiều lần thuyết phục chị T để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý và vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn T đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung thực tế đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị T xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị T là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Đoàn Nguyễn Minh C,

sinh ngày 24/11/2013 và cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 02/10/2015. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi 02 con chung. Anh T nhận nuôi con Đoàn Minh T hoặc con Đoàn Nguyễn Minh C.

Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân chị T vẫn nuôi 2 con chung tại nhà riêng của chị chu đáo. Chị T làm Công an tại quận Hải An, làm công việc hành chính có thời gian và điều kiện chăm sóc con và có sự giúp đỡ của bố mẹ chị T. Cháu Đoàn Minh T bị chậm phát triển thể chất và trí tuệ, đang được học tập tại Trung tâm tư vấn hỗ trợ phát triển tâm lý từng bước nhỏ quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Hiện nay các cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ và để đảm bảo sự ổn định việc ăn ở học tập của các cháu. Anh T là sĩ quan quân đội phải thường trực chiến đấu, gia đình ở xa không có sự trợ giúp của gia đình cho nên việc chăm sóc nuôi dưỡng con sẽ gặp nhiều khó khăn. Tại phiên tòa anh T trình bày nếu nuôi con anh sẽ báo cáo đơn vị để sắp xếp công việc, thời gian tạo điều kiện cho anh nuôi con. Nếu có công việc đột xuất hoặc phải đi công tác xa dài ngày anh sẽ mang con gửi chị T. Như vậy, việc anh T nuôi con sẽ không đảm bảo sự ổn định, làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý ảnh hưởng đến việc học tập và không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Do đó, cần giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp các điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với chị mỗi tháng 3.600.000 đồng, mỗi con là 1.800.000 đồng/tháng. Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung với chị T mỗi tháng là 3.600.000 đồng.

Như phân tích ở phần trên, do đó đề nghị của Kiểm sát viên về việc giao cho anh T nuôi con Đoàn Nguyễn Minh C là không có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị T rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, anh T không có ý kiến gì. Xét thấy việc chị T rút yêu cầu về việc chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị T và anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Trả lại chị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203; Điều 266; Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là là Đoàn Nguyễn Minh C, sinh ngày 24/11/2013 và cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 02/10/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đoàn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với chị Nguyễn Thị T mỗi tháng mỗi con là 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)*, khoản cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2020 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị T.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 30.357.000 đồng; trả lại chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 30.057.000 đồng *(Ba mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015009 ngày 30/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Anh Đoàn Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận K;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- Chi cục THA Dân sự K;
- TAND TP Hải Phòng;
- UBND phường Đ, quận

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Cao Đặng Trình